

Cách ghi số đo nhiệt độ kinh lạc và chỉ số nhiệt

1. Mẫu ghi chép

Trước khi đo phải chuẩn bị mẫu ghi chép “Hồ sơ bệnh án chỉ số nhiệt kinh lạc”. Mỗi bệnh nhân phải có một phiếu, ghi đầy đủ vào các mục. Theo mẫu ví dụ sau:

PHÒNG CHẨN TRỊ.....

Bệnh án được thiết lập bởi: Lương y; Bác sĩ:

HỒ SƠ BỆNH ÁN - CHỈ SỐ NHIỆT KINH LẠC

Họ và tên:.....Nam, nữ

Ngày tháng năm sinh.....Tuổi:.....

Tình trạng gia đình:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:

Tiền căn gia đình:

Tiền căn bản thân:

Bệnh sử và tiền căn tương ứng khi đến khám:

Chứng trạng lâm sàng hiện tại:

Thời gian đo nhiệt độ các kinh lạc:.....giờ, ngày.....tháng.....năm.....

Nhiệt độ môi trường:.....Độ ẩm môi trường:

Chu kỳ kinh (phụ nữ)

Bảng chỉ số nhiệt kinh lạc của người bệnh

1	3	4	5	6
2				7

	8	9	10	11	12
Tiểu trường					
Tâm					
Tam tiêu					
Tâm bào					
Đại trường					
Phế					

1'	3'	4'	5'	6'
2'				7'

	8'	9'	10'	11'	12'
Bảng quang					
Thận					
Đảm					
Vị					
Can					
Tỳ					

13

Tiểu kết luận, nhận định:

Các phép chẩn và xét nghiệm bổ túc:

Kết luận:.....

Điều trị:

Các yếu tố cần theo dõi

Tiến triển và điều chỉnh.....

Chú thích: Trong Bảng chỉ số nhiệt kinh lạc của người bệnh (gọi tắt là bảng A) các con số đánh dấu trong các ô trống hay ở đầu các cột dùng để định vị các ô và cột, để tiện diễn giải ý nghĩa của các ô và cột đó. Các ô và cột được đánh số không có dấu phẩy ở trên đầu ghi các thông số của chi trên (tay). Các ô và cột được đánh số có dấu phẩy trên đầu ghi các thông số của chi dưới (chân). Các ô và cột được đánh số như nhau chỉ khác ở dấu phẩy cũng giống nhau về ý nghĩa. Việc sắp xếp các ô và cột như trên nhằm tiện lợi cho việc trực quan để nhận định kết quả.

2. Cách ghi các số đo nhiệt độ kinh lạc

Thực hiện theo trình tự đo nhiệt độ kinh lạc như đã trình bày ở trên, ghi các kết quả thu được vào các cột có đánh số: 8 (tay trái), 11 (tay phải), 8' (chân trái), 11' (chân phải).

Như vậy, cột 8 và 8' ghi nhiệt độ bên trái của các kinh, cột 11 và 11' ghi nhiệt độ bên phải của các kinh.

- Ví dụ: Ông Lê Quang T, 55 tuổi, cán bộ hưu trí, phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội.

Bị chứng choáng váng, hoa mắt, đi lại không vững đã 6 tháng nay, có tiền sử bị điện giật ngã sai 2 đốt sống L1 và L2, hiện nay khớp đã vào ổn định.

Đo lúc 10 giờ 20 phút ngày 30/6/1984, nhiệt độ môi trường: 29,3°C khô, (không có máy ghi độ ẩm nên gọi là nhiệt độ khô).

Nhiệt độ của các kinh lạc thu được sau khi đo như sau:

	8	9	10	11	12
Tiểu trường	34,0			34,2	
Tâm	34,0			35,0	
Tam tiêu	34,6			35,2	
Tâm bào	35,0			34,9	
Đại trường	34,8			35,0	
Phế	34,5			35,2	

	8'	9'	10'	11'	12'
Bàng quang	33,0			34,0	
Thận	34,4			34,3	
Đảm	33,2			34,4	
Vị	33,8			34,5	
Can	34,5			35,2	
Tỳ	34,2			34,2	

3. Cách tính toán các chỉ số nhiệt

a. Ô số 1 và 1': Là ô ghi **nhiệt độ cao nhất** của chi đo được ở tay (ô 1) và chân (ô 1').

- **Ví dụ:** Trong ví dụ trên:

- Nhiệt độ cao nhất ở tay là 35,2 ở tam tiêu bên phải và phế bên phải. Ô 1 ghi: 35,2.
- Nhiệt độ cao nhất ở chân là 35,2 ở can bên phải. Ô 1' ghi: 35,2

b. Ô số 2 và 2': Là ô ghi **nhiệt độ thấp nhất** của chi đo được ở tay (ô 2) và chân (ô 2').

- **Ví dụ:** Trong ví dụ trên

- Nhiệt độ thấp nhất ở tay là 34,0 ở tiểu trường bên trái. Ô 2 ghi: 34,0.
- Nhiệt độ thấp nhất ở chân là 33,0 ở bàng quang bên trái. Ô 2' ghi: 33,0.

c. Ô số 3 và 3': Là ô ghi hiệu số (chênh lệch) giữa **nhiệt độ cao nhất** và **thấp nhất** của từng chi (cả tay và chân).

Như vậy: $\text{Ô}3 = \text{Ô}1 - \text{Ô}2$; tương tự $\text{Ô}3' = \text{Ô}1' - \text{Ô}2'$

- **Ví dụ:** Trong ví dụ trên

- Ở tay: $35,2 - 34,0 = 1,2$. Ô3 ghi 1,2.
- Ở chân: $35,2 - 33,0 = 2,2$. Ô3' ghi: 2,2.

d. Ô số 4 và 4': Là ô ghi **nhiệt độ trung bình của chi** (tay hoặc chân), được tính bằng cách lấy nhiệt độ cao nhất ở tay (hoặc chân) cộng với nhiệt độ thấp nhất ở tay (hoặc chân) rồi chia cho 2.

Như vậy:

$$\hat{O}4 = \frac{\hat{O}1 + \hat{O}2}{2}; \text{ tương tự } \hat{O}4' = \frac{\hat{O}1' + \hat{O}2'}{2}$$

Ví dụ: Trong ví dụ trên

- Ở tay: $\frac{35,2 + 34,0}{2} = 34,6$. Ô4' ghi: 34,6.
- Ở chân: $\frac{35,2 + 33,0}{2} = 34,1$. Ô4' ghi: 34,1.

d. Ô số 5 và 5': Là ô ghi **sai số giới hạn của chi**, được tính như sau: Lấy hiệu số giữa nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất của tay (ô 3) hoặc chân (ô 3') chia cho 6.

Như vậy: $\hat{O}5 = \frac{\hat{O}3}{6}$; tương tự $\hat{O}5' = \frac{\hat{O}3'}{6}$ —

- **Ví dụ:** trong ví dụ trên

- Ở tay: $\frac{12}{6} = 0,2$. Ô5 ghi: 0,2.
- Ở chân: $\frac{22}{6} = 0,37$. Ô5' ghi: 0,37.

e. Ô số 6 và 6': Là ô ghi **mức nhiệt độ giới hạn nhiệt (trên)**, được tính như sau: Lấy nhiệt độ trung bình của tay (ô 4) hoặc chân (ô 4') cộng với sai số giới hạn của tay (ô 5) hoặc chân (ô 5').

Như vậy: $\hat{O}6 = \hat{O}4 + \hat{O}5$; tương tự : $\hat{O}6' = \hat{O}4' + \hat{O}5'$

- **Ví dụ:** Trong ví dụ trên

- Ở tay: $34,6 + 0,2 = 34,8$. Ô6 ghi: 34,8
- Ở chân: $34,1 + 0,37 = 34,47$ H 34,5. Ô6' ghi: 34,5.

g. Ô số 7 và 7': Là ô ghi **mức nhiệt độ giới hạn hàn (dưới)**, được tính như sau: Lấy nhiệt độ trung bình của tay (ô 4) hoặc chân (ô 4') trừ với sai số giới hạn của tay (ô 5) hoặc chân (ô 5').

Như vậy: $\hat{O}7 = \hat{O}4 - \hat{O}5$; tương tự: $\hat{O}7' = \hat{O}4' - \hat{O}5'$.

- **Ví dụ:** Trong ví dụ trên

- Ở tay: $34,6 - 0,2 = 34,4$. Ô7 ghi = 34,4
- Ở chân: $34,1 - 0,37 = 33,73$ H 33,7. Ô7' ghi: 33,7

h. Cột số 9 và 9': là cột ghi **nhiệt độ trung bình của từng kinh**, được tính như sau: Lấy nhiệt độ bên trái (cột 8 hoặc 8') cộng với nhiệt độ bên phải (cột 11 hoặc 11') của từng kinh rồi chia cho 2. Tính lần lượt hết tất cả các kinh ở tay và chân

$$\text{Như vậy: Cột 9} = \frac{\text{Cột 8} + \text{Cột 11}}{2}$$

$$\text{tương tự: Cột 9'} = \frac{\text{Cột 8'} + \text{Cột 11'}}{2}$$

- **Ví dụ**: Trong ví dụ trên

- Kinh tiểu trường: $\frac{34,0 + 34,2}{2} = 34,1$. Cột 9 trên hàng ngang của kinh tiểu trường ghi: 34,1.
- Kinh bàng quang: $\frac{33,0 + 34,0}{2} = 33,5$. Cột 9' trên hàng ngang của kinh bàng quang ghi: 33,5.

i. Cột số 10 và 10': Là cột ghi **số tương quan**; là **hiệu số giữa nhiệt độ trung bình của từng kinh trừ đi nhiệt độ trung bình của chi (tay hoặc chân) có kinh tương ứng**. Hiệu số này phải thể hiện cả giá trị âm dương (-,+) của chúng.

$$\text{Như vậy: Cột 10} = \text{Cột 9} - \text{Ô4};$$

$$\text{Tương tự: Cột 10'} = \text{Cột 9'} - \text{Ô4'}$$

- **Ví dụ**: Trong ví dụ trên

- Kinh tiểu trường: $34,1 - 34,6 = -0,5$. Cột 10 trên hàng ngang của kinh tiểu trường ghi: -0,5.
- Kinh bàng quang: $33,5 - 34,1 = -0,6$. Cột 10' trên hàng ngang của kinh bàng quang ghi: -0,6

k. Cột 12 và 12': Là cột ghi **số chênh lệch (độ dao động) nhiệt độ giữa hai bên trái phải của từng kinh**. Bên có nhiệt độ cao trừ đi bên có nhiệt độ thấp hơn của từng kinh.

$$\text{Như vậy: Cột 12} = \text{Cột 8} - \text{Cột 11}, \text{ hoặc } \text{Cột 11} - \text{Cột 8}.$$

$$\text{Tương tự: Cột 12'} = \text{Cột 8'} - \text{Cột 11'}, \text{ hoặc } \text{Cột 11'} - \text{Cột 8'}.$$

- **Ví dụ**: Trong ví dụ trên

- + Kinh tiểu trường: Bên trái 34,0, bên phải 34,2, chênh lệch $34,2 - 34,0 = 0,2$. Cột 12 trên hàng ngang của kinh tiểu trường ghi: 0,2.
- + Kinh tâm bào: Bên trái 35,0, bên phải 34,9, chênh lệch $35,0 - 34,9 = 0,1$. Cột 12 trên hàng ngang của kinh tâm bào ghi: 0,1.

l. Ô số 13: Là ô ghi **hiệu số của nhiệt độ trung bình chi trên trừ nhiệt độ trung bình chi dưới**. Hiệu số này phải thể hiện cả giá trị âm dương (-, +) của chúng.

$$\text{Như vậy: Ô13} = \text{Ô4} - \text{Ô4'}$$

- **Ví dụ**: Trong ví dụ trên

- $34,6 - 34,1 = 0,5$. Ô 13 ghi: 0,5.

4. Ví dụ cụ thể một “Bảng chỉ số nhiệt kinh lạc của người bệnh”

Việc ghi các chỉ số nhiệt được thực hiện đồng thời trong quá trình tính toán các chỉ số nhiệt, tính đến đâu ghi đến đó. Ở đây, trình bày một bảng chỉ số nhiệt cụ thể để dễ hình dung. Tuy nhiên đó chỉ là một bảng chỉ số nhiệt kinh lạc chưa đầy đủ, vì chưa thể hiện được tính chất hàn hay nhiệt, biểu hay lý cho từng kinh. Cách phân định hàn, nhiệt, biểu, lý được trình bày ở mục kế tiếp.

Ví dụ: Trong ví dụ trên các kết quả đo và tính toán chỉ số nhiệt được ghi lại như sau:

Bảng chỉ số nhiệt kinh lạc của người bệnh (chưa phân định hàn, nhiệt, biểu, lý).

35,2				34,8
34,0	1,2	34,6	0,2	34,4

Tiểu trường	34,0	34,1	- 0,5	34,2	0,2
Tâm	34,4	34,7	+ 0,1	35,0	0,6
Tam tiêu	34,6	34,9	+ 0,3	35,2	0,6
Tâm bào	35,0	34,95	+ 0,35	34,9	0,1
Đại trường	34,8	34,9	+ 0,30	35,0	0,2
Phế	34,5	34,85	+ 0,25	35,2	0,7

35,2				34,5
34,0	2,2	34,1	0,37	33,7

Bàng quang	33,0	33,5	- 0,6	34,0	1,0
Thận	33,4	33,85	- 0,25	34,3	0,9
Đâm	33,2	33,8	- 0,30	34,4	1,2
Vị	33,8	34,15	+ 0,05	34,5	0,7
Can	34,5	34,85	+ 0,75	35,2	0,7
Tỳ	34,2	34,20	+ 0,10	34,2	0

0,5
